

BÁO CÁO

Sơ kết kết quả sản xuất trồng trọt năm 2025 và đăng ký kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2026 xã Xuân Bình

Kính gửi: - Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 9131/SNNMT-TT&BVTV, ngày 05/8/2025 của Sở nông nghiệp và môi trường, V/v báo cáo sơ kết kết quả sản xuất trồng trọt năm 2025 và đăng ký kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2026.

Ủy ban nhân dân xã Xuân Bình báo cáo sơ kết kết quả sản xuất trồng trọt năm 2025 và đăng ký kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2026 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ SƠ BỘ SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT NĂM 2025

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất trồng trọt năm 2025

1.1. Diện tích (ha), năng suất (tạ/ha), sản lượng (tấn)

- **Tổng diện tích gieo trồng hàng năm:** 2826,55ha, trong đó: Vụ Đông: 329,1ha, Vụ Xuân: 2018,76ha, Vụ Thu Mùa: 478,69 ha.

- Tổng sản lượng lương thực: 2592tấn.

- Diện tích năng suất, sản lượng một số cây trồng chính:

+ Cây Lúa: 276,7 ha, năng suất bình quân: 62 tạ/ha; sản lượng đạt: 1715,55 tấn.

+ Ngô: 244,2 ha, năng suất bình quân: 35 tạ/ha; sản lượng đạt: 854,7tấn.

+ Rau, đậu các loại: ha; năng suất bình quân; 140 tạ/ha; sản lượng đạt: 7428,4tấn.

+ Cây trồng khác: 381,8ha.

+ Cây lạc: 4,7 ha, năng suất bình quân; 11 tạ/ha; sản lượng đạt; 5,17 tấn.

+ Sắn: 793,2 ha, năng suất bình quân; 210 tạ/ha; sản lượng đạt: 16657,2tấn.

+ Mía: 582,95ha, năng suất bình quân; 100tạ/ha; sản lượng đạt: 5829,5 tấn.

(Báo cáo chi tiết theo biểu tại Phụ lục 1 kèm theo)

- **Đối với cây lâu năm:** Diện tích trồng cây lâu năm: 2224,26ha trong đó 1 số cây trồng chính là: Cây ăn quả 540ha (bưởi 102,8ha, cam 169,01ha, ổi

33,7ha, xoài 37,7ha...); Cao su 1694,11ha trong đó diện tích cho sản phẩm 1493,64ha; Chè: 10,15ha...

1.2. Kết quả thực hiện các chương trình phát triển sản xuất trồng trọt năm 2025

a) Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cả năm 2025 và chuyển đổi các cây trồng khác: không.

b) Kết quả liên kết sản xuất, tiêu thụ lúa nếp và liên kết sản xuất các loại cây trồng khác: không.

1.3. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp bỏ hoang, bỏ vụ: không.

1.4. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất năm 2025: không.

2. Đánh giá chung về kết quả sản xuất trồng trọt năm 2025

- Những kết quả nổi bật đạt được:

Diện tích các loại cây trồng chính năm 2025 tăng giảm không đáng kể, chủ yếu chuyển đổi linh hoạt trong cơ cấu các loại cây trồng; Các đối tượng sâu, bệnh được phát hiện, xử lý kịp thời, đúng quy trình vừa góp phần nâng cao giá trị sản xuất vừa đảm bảo chất lượng nông sản và an toàn thực phẩm. Năm 2025 các loại cây trồng đều cho sản lượng và năng suất cao, đặc biệt là cây ngô trồng xen trên đất keo do thời tiết nhiều mưa.

- Nguyên nhân

Do kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt được triển khai kịp thời, công tác tuyên truyền, hướng dẫn về biện pháp chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh được cập nhật thường xuyên; việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phục vụ sản xuất được chú trọng; sự phối hợp giữa các phòng, ban, ngành xuống đến cơ sở nhip nhàng đã nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, từ đó nhiều loại giống mới năng suất, chất lượng cao được đưa vào gieo trồng; việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất được tăng cường, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn; nhiều mô hình sản xuất có giá trị kinh tế cao được triển khai thực hiện, như: trồng thanh long ruột đỏ, bưởi da xanh, cam đường canh, cam lòng vàng, quýt, ổi, bí xanh; đã tập trung chuyển đổi diện tích đất dốc, bạc màu sang trồng cây lâm nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến...

II. ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT NĂM 2026

1. Dự báo thuận lợi khó khăn:

1.1. Thuận lợi:

- Sự quan tâm chỉ đạo cụ thể, sâu sát của các cấp, các ngành từ tỉnh, đến cơ sở, nhất là việc đã ban hành và triển khai các cơ chế chính sách, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.

- UBND xã đã chủ động xây dựng kế hoạch, phương án sản xuất sớm, sát đúng với tình hình thực tế, có tính liên kết cao giữa các mùa vụ; địa phương đã

giao chỉ tiêu, xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp cụ thể, chủ động trong chỉ đạo sản xuất.

- Dịch vụ phục vụ sản xuất được các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức dịch vụ công triển khai thực hiện tốt như: giống, phân bón, thuốc BVTV; cung ứng đúng chủng loại, đảm bảo số lượng, kịp thời; công tác điều hành nước tưới, khắc phục hạn hán đạt hiệu quả cao, cơ giới hóa trong sản xuất ngày càng phát triển, nhất là dịch vụ làm đất, dịch vụ thu hoạch; các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất ngày càng được áp dụng rộng rãi.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm các cây trồng vụ Đông khá thuận lợi: Ngô, khoai, đặc biệt là rau, đậu đều tăng cao có lợi cho người sản xuất; nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn huyện có hướng tăng, các chuỗi sản xuất rau an toàn từng bước có sự liên kết và cung cấp trong các trường học, bếp ăn tập thể trên địa bàn huyện, đặc biệt rau, đậu các loại đều tăng cao đem lại hiệu quả cho người sản xuất.

1.2. Khó khăn:

- Thời tiết dự báo có nhiều diễn biến phức tạp, lao động thiếu; sự liên kết để bao tiêu sản phẩm còn nhiều hạn chế, dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân còn nhiều khó khăn.

- Giá cả đầu vào các loại vật tư nông nghiệp có giảm so với cùng kỳ, tuy nhiên vẫn ở mức cao. Trong khi đó giá cả nông sản vẫn gặp nhiều khó khăn, làm cho khả năng đầu tư thâm canh của nông dân hạn chế.

- Phần lớn cây trồng đang còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa có giá trị kinh tế cao, thiếu thị trường tiêu thụ các sản phẩm. Lực lượng lao động nông thôn đang có xu hướng giảm (đi làm ăn xa hoặc làm việc khác có thu nhập cao hơn) nên chi phí thuê mướn nhân công tương đối cao.

2. Mục tiêu và chỉ tiêu

2.1. Mục tiêu diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng năm 2026

(Chi tiết có Phụ lục 4 kèm theo)

2.2. Giá trị sản xuất trồng trọt: Ước 89 triệu đồng/ha/năm.

2.3. Các chỉ tiêu theo các chương trình đề án (lĩnh vực trồng trọt)

- Chỉ tiêu phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao năm 2026 dự kiến: 24ha.

- Chỉ tiêu phát triển nông nghiệp hữu cơ: không.

- Chỉ tiêu phát triển lúa nếp liên kết: không.

3. Một số nhiệm vụ, giải pháp chính

1. Giải pháp chung:

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, hỗ trợ của các cấp, các ngành trong lĩnh vực phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở điều kiện, tiềm năng, lợi thế của địa phương, lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, vận dụng các chính sách, xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể để tổ chức thực hiện; kiện toàn lại các ban chỉ đạo phát triển sản xuất, phân công nhiệm vụ, địa bàn cụ thể cho các thành viên để hướng dẫn, chỉ đạo nhân dân thực hiện.

- Thực hiện triển khai sản xuất trồng trọt theo hướng quy hoạch vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn.

- Triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đặc biệt là chính sách tích tụ đất đai, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thực hiện chương trình sản phẩm (OCOP)... nhằm hỗ trợ nhân dân phát triển sản xuất trồng trọt.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp và tích tụ ruộng đất để hình thành mô hình sản xuất mới: Kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất, thu mua, chế biến các sản phẩm nông sản. Tạo điều kiện về cơ chế chính sách, khuyến khích vận động để các hộ dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất để đầu tư vào sản xuất lớn.

2. Giải pháp cụ thể:

2.1. Tăng cường lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy đảng; quản lý điều hành của chính quyền địa phương; phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc các tổ chức chính trị xã hội người dân và doanh nghiệp:

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch sản xuất trồng trọt.

- Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội vận động nhân dân tích cực tham gia phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Kịp thời biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình sản xuất trồng trọt có hiệu quả cao; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội.

2.2. Xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch phương án sản xuất trồng trọt hàng năm, hàng vụ đến từng thôn: Trên cơ sở mục tiêu Nghị quyết phát triển sản xuất, kế hoạch sản xuất trồng trọt và điều kiện cụ thể của địa phương, xây dựng cụ thể các mục tiêu sản xuất với tinh thần hoàn thành trên mức kế hoạch giao; giao chỉ tiêu cụ thể từng loại cây trồng về diện tích, sản lượng, giá trị; đề ra các giải pháp cụ thể, phù hợp; có phương án ứng phó hiệu quả với các tình huống bất thuận trong sản xuất như thiên tai, dịch bệnh, thị trường..., tập trung công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện đảm bảo hoàn thành vượt

mức các mục tiêu đề ra. Chủ động xây dựng phương án sản xuất hàng vụ đảm bảo cơ cấu cây trồng và thời vụ gieo trồng phù hợp với từng vùng, ưu tiên sản phẩm có thị trường và sản xuất theo hợp đồng.

2.3. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành trồng trọt gắn với tích tụ tập trung đất đai để sản xuất quy mô lớn: Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng chuyển sang cây trồng có lợi thế phát triển, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, mía, sắn.

- Tập trung chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng theo chương trình, đề án được phê duyệt; Đề án phát triển cây ăn quả tập trung, chuyển đổi cây trồng trên đất cao su kém hiệu quả; Đẩy mạnh tích tụ đất đai theo nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII); dần khắc phục tình trạng ruộng đất nhỏ lẻ, manh mún, hình thành các vùng sản xuất quy mô lớn; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư, tổ chức sản xuất nông sản hàng hóa nhằm nâng cao hiệu sử dụng đất, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa.

- Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất tăng cường liên kết hợp tác; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất; tập trung ứng dụng khoa học công nghệ cao nhằm nâng cao giá trị đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh ATTP gắn với xây dựng sản phẩm OCOP và thương hiệu cho các sản phẩm.

- Nhân rộng các mô hình, chuỗi liên kết sản xuất trồng trọt có hiệu quả cao. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp thuê đất, liên kết sản xuất với HTX, hộ nông dân trong sản xuất, chế biến và bao tiêu nông sản. Trong đó doanh nghiệp là nòng cốt định hướng sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ đầu vào và thu mua sản phẩm của nông dân, xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản và tìm kiếm thị trường.

- Phát triển về số lượng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của tổ chức hợp tác xã nông nghiệp nhằm đẩy mạnh liên kết, hợp tác sản xuất trồng trọt hình thành các chuỗi giá trị sản xuất trồng trọt hiệu quả và bền vững.

- Quản lý chặt chẽ việc đưa các giống cây trồng mới, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các chế phẩm sử dụng trong lĩnh vực trồng trọt.

2.5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ sản xuất trồng trọt: Tăng cường phổ biến các quy định về quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm để nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông sản thực phẩm.

- Xây dựng và triển khai thực hiện phương án tưới, tiêu hợp lý; nạo vét kênh mương vào mùa khô, khơi thông dòng chảy để tiêu thoát tốt vào mùa mưa để phát huy tốt năng lực tưới, tiêu của các công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu của sản xuất.

- Có phương án phòng trừ dịch hại, thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết, sâu bệnh và tình hình sinh trưởng, phát triển của cây trồng; thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo và dịch vụ phòng trừ sâu bệnh, đảm bảo kịp thời, hiệu quả và an toàn; không để sâu bệnh phát sinh thành dịch, đặc biệt quan tâm phòng trừ bệnh lùn sọc đen và các đối tượng sâu bệnh chính như sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá lúa, bệnh đốm sọc vi khuẩn, ... trên cây lúa.

2.6. Huy động tối đa nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất; thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất.

- Tiếp tục thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, tăng cường phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, triển khai thực hiện các cơ chế chính sách từ nguồn vốn của trung ương, chính sách bảo vệ phát triển đất trồng lúa.

Trên đây là báo cáo của xã Xuân Bình gửi Sở nông nghiệp và môi trường tổng hợp, theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở NN & MT (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (b/c);
- Các Thành viên BCD PT sản xuất (t/h);
- Trung tâm cung ứng DVC (T/t);
- 28/28 thôn (t/h);
- Lưu VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trịnh Xuân Sơn

